| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÌNH ĐẠI**<br>TỈNH BẾN TRE | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **95/**2024/DS-ST
Ngày: 11/7/2024
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Long Hồ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Hoàng Mích;

2. Bà Bùi Thị Hồng Lam.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Minh Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre:*** Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 69/2024/TLST-DS, ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2024/QĐXX-ST ngày 27 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 106/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Phước H**, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Q, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Chị **Võ Thị Thu H1**, sinh năm 2000 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Ngọc V**, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 17/10/2023, các Bản tự khai và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phước H là chị Võ Thị Thu H1 trình bày như sau:*

Do quen biết từ trước, vào ngày 06/5/2020 (nhằm ngày 14/4/2020 âm lịch), bà Nguyễn Thị Phước H có cho ông Trần Ngọc V mượn tiền với số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 18 tháng từ ngày 06/5/2020 đến ngày 06/11/2021, việc mượn tiền có lập thành văn bản, mục đích mượn tiền để bổ sung vốn làm ăn. Đến ngày 30/6/2020 (nhằm ngày 10/5/2020 âm lịch), bà Nguyễn Thị Phước H tiếp tục cho ông Trần Ngọc V mượn số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 18 tháng từ ngày 30/6/2020 – ngày 30/12/2021, việc mượn tiền có lập thành văn bản, mục đích mượn tiền để bổ sung vốn làm ăn.

Để tạo niềm tin, ông Trần Ngọc V có giao cho bà Nguyễn Thị Phước H 01 (Một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Trần Ngọc V tại thửa đất số 232, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bà H đã giao đủ tiền cho ông V tại thời điểm ông V ký hợp đồng vay tiền. Từ ngày vay đến nay, ông V không đóng lãi, đến hạn hợp đồng thì ông V cũng không trả nợ gốc.

Do đó, bà Nguyễn Thị Phước H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Ngọc V có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất 20%/năm từ ngày 30/6/2020 cho đến ngày giải quyết xong vụ án (ngày 11/7/2024) với số tiền lãi là 80.603.000 đồng (T mươi triệu sáu trăm lẻ ba nghìn đồng).

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn ông Trần Ngọc V các văn bản tố tụng nhưng ông V vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử vụ án nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông Trần Ngọc V.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

*Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt, bị đơn ông Trần Ngọc V vi phạm quy định về nghĩa vụ đương sự theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về việc giải quyết vụ án:* Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phước H. Buộc ông Trần Ngọc V có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Phước Hằng s tiền vay đến ngày xét xử (11/7/2024) là 180.603.000 đồng (bao gồm tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 80.603.000 đồng).

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Hội đồng xét xử nhận định*:

*- Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Phước H khởi kiện yêu cầu ông Trần Ngọc V có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền nợ vay. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào Đơn xác nhận địa chỉ nơi cư trú bị đơn, Biên bản xác minh được Công an xã L xác nhận thì ông Trần Ngọc V có đăng ký thường trú tại Ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre và nhưng không còn sinh sống tại địa phương. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Ông Trần Ngọc V là bị đơn có đăng ký thường trú thường trú tại xã L nhưng không còn ở địa phương mà không thông báo với địa phương và thông báo cho phía nguyên đơn địa chỉ nơi ở mới của mình. Căn cứ quy định tại Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Đ b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án thì xem như ông Trần Trần Ngọc V cố tình giấu địa chỉ của mình. Do đó, Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

[4] Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần Ngọc V nhưng ông V vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Trần Ngọc V là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:*

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phước H yêu cầu ông Trần Ngọc V có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi từ ngày 30/6/2020 đến ngày xét xử vụ án (11/7/2024) với lãi suất 20%/năm.

*Hội đồng xét xử xét thấy:* Căn cứ Hợp đồng cho vay tiền ngày 14/4/2020 âm lịch (06/5/2020 dương lịch) và 10/5/2020 âm lịch (30/6/2020 dương lịch) (bút lục 21) giữa bà Nguyễn Thị Phước H và ông Trần Ngọc V thể hiện ông Trần Ngọc V có vay tiền của nguyên đơn và dưới mục Bên vay đều có ký tên và viết đầy đủ họ và tên.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp cho bị đơn cũng như Thông báo về việc thụ lý vụ án để bị đơn ông Trần Ngọc V biết về nội dung vụ án. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ việc, ông V đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phước H. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự nên xem như mặc nhiên ông Trần Ngọc V thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị Phước Hằng s tiền vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên cho vay là giao tài sản cho bên vay đầy đủ. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ thì ông Trần Ngọc V không trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

Vậy, bà Nguyễn Thị Phước H khởi kiện yêu cầu ông Trần Ngọc V có nghĩa vụ trả số nợ vay gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cẤp Qà phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về yêu cầu tính lãi suất: Bà Nguyễn Thị Phước H yêu cầu tiếp tục tính lãi suất số tiền vay 100.000.000 đồng với lãi suất 20%/năm từ ngày vay lần hai (30/6/2020) cho đến ngày xét xử (11/7/2024) với số tiền 80.603.000 đồng.

Xét thấy, Căn cứ Hợp đồng cho vay tiền ngày 14/4/2020 âm lịch (06/5/2020 dương lịch) và 10/5/2020 âm lịch (30/6/2020 dương lịch) (bút lục

21) giữa bà Nguyễn Thị Phước H và ông Trần Ngọc V và tại phiên tòa hôm nay, có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay có thời hạn theo quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự, Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 30/6/2020 cho đến ngày xét xử (11/7/2024) = 04 năm 11 ngày x 20%/năm x 100.000.000 đồng = 80.603.000 đồng (T mươi triệu sáu trăm lẻ ba nghìn đồng).

Tổng tiền vốn và lãi tính từ ngày 30/6/2020 đến ngày xét xử (11/7/2024) là 180.603.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu sáu trăm lẻ ba nghìn đồng).

Vì vậy, bà Nguyễn Thị Phước H khởi kiện yêu cầu ông Trần Ngọc V có nghĩa vụ trả nợ vay số tiền 180.603.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu sáu trăm lẻ ba nghìn đồng), bao gồm tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), tiền lãi là 80.603.000 đồng (T mươi triệu sáu trăm lẻ ba nghìn đồng) là có cơ sở và phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 006416 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Trần Ngọc V ngày 01/10/2015 tại thửa đất số 232 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre thì bà Nguyễn Thị Phước H tự nguyện giao trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này sau khi ông Trần Ngọc V, ông Trần Ngọc V thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ số tiền vay cho bà Nguyễn Thị Phước H.

Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Phước H do đó Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ nên bà Nguyễn Thị Phước H không phải chịu án phí và ông Trần Ngọc V phải liên đới chịu án phí theo quy định.

Cụ thể: 180.603.000 đồng x 5% = 9.030.000 đồng (Chín triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

Căn cứ các Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phước H đối với ông Trần Ngọc V về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

**2.** Buộc ông Trần Ngọc V có nghĩa vụ trả cho Bà Nguyễn Thị Phước Hằng s tiền 180.603.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu sáu trăm lẻ ba nghìn đồng), bao gồm tiền vốn là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), tiền lãi là 80.603.000 đồng (T mươi triệu sáu trăm lẻ ba nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**3.** Ghi nhận sự tự nguyện bà Nguyễn Thị Phước H giao trả lại cho ông Trần Ngọc V CC 006416 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Trần Ngọc V ngày 01/10/2015 tại thửa đất số 232 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre sau khi ông Trần Ngọc V thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho bà Nguyễn Thị Phước H.

**4.** ***Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:***

Buộc ông Trần Ngọc V có nghĩa vụ chịu số tiền án phí là 9.030.000 đồng (Chín triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).

H2 lại cho bà Nguyễn Thị Phước Hằng s tiền án phí đã nộp là 4.149.850 đồng (Bốn triệu một trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003381 ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**5.** ***Về quyền kháng cáo:*** Bà Nguyễn Thị Phước H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Ngọc V vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Phạm Long Hồ**